

# XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ BÁO SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI CỦA XÃ HỘI XÔ – VIỆT

G OSIPOV; G DENISOVSKIJ

V KOLBANOVSKIJ; P KOZYREVA

TRONG những năm 1979 - 1986, Viện nghiên cứu xã hội học (I. S. I.) thuộc Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô đã cùng với một số trung tâm khoa học của đất nước tiến hành nghiên cứu phối hợp “Các chỉ báo sự phát triển xã hội của xã hội Xô – việt”<sup>(1)</sup>.

Những người tham gia dự án đặt ra các mục tiêu sau đây : xác định các mặt chất lượng và số lượng của sự phát triển là hội ở Liên Xô, so sánh nó với sự phát triển của các nước xã hội chủ nghĩa khác ; vạch ra các yếu tố và cơ chế chủ yếu của những biến đổi xã hội diễn ra trong các điều kiện cụ thể của hoạt động sản xuất và ngoài phạm vi sản xuất của con người; đặt cơ sở cho thống kê xã hội.

Như chúng ta đã biết, việc xây dựng hệ thống chỉ báo xã hội có ý nghĩa không chỉ về mặt nhận thức mà còn có ý nghĩa thực tiễn lớn. Việc đo lường trình độ phát triển về mặt xã hội của xã hội cho phép giải thích một cách sâu sắc và toàn diện kết cấu xã hội của xã hội và xác định những mức đo đếm các biến đổi diễn ra trong xã hội. Nhưng vấn đề không giới hạn ở chỗ xây dựng các cơ sở khoa học cho thống kê xã hội. Ở đây muốn nói về việc xây dựng và đưa phân hệ chuyển ngành các chỉ báo vào hệ thống quốc gia kế hoạch hóa kinh tế - xã hội. Nó cho phép kiểm tra trên cơ sở khoa học (hơn nữa không phải gián tiếp mà là trực tiếp) các đặc trưng sự biến đổi xã hội không chỉ về số lượng mà cả chất lượng, nó là công cụ có hiệu quả tối ưu hóa chúng.

~~Khi nói về những~~ đặc điểm của cuộc nghiên cứu nêu trên, trước hết cần nhấn mạnh trên phạm vi rộng lớn của nó: bao gồm 10 vùng ở Liên Xô. Thông thường các nghiên cứu xã hội học thực nghiệm về cơ sở thực địa được giới hạn ở một số xí nghiệp, làng, ngành kinh tế quốc dân và không vượt ra khỏi phạm vi của các khảo sát chuyên khảo dạng khảo sát tình thế (“nghiên cứu trường hợp”). Các hiện tượng xã hội có thể được xác định bằng cách đó, nhưng điều đó chưa phải là toàn bộ các sự kiện và quá trình. Một phương pháp tiếp cận có hiệu quả hơn nhiều đó là khi xã hội được xét như là một chỉnh thể hữu cơ, khi nó bao trùm toàn bộ đất nước hoặc các vùng lớn của đất nước, khi không chỉ các mặt riêng biệt hay các phần của lĩnh vực xã hội được nghiên cứu mà là toàn bộ lĩnh vực trong mối quan hệ tương tác của nó bởi các lĩnh vực khác. Cách nghiên cứu như vậy đã được thực hiện trong khoa học xã hội thế giới ( Mỹ, Cộng hòa Liên bang Đức, Pháp). Xét về qui mô, chính dự án của Viện xã hội học Liên Xô cũng được xếp vào loại đó.

Vào cuối những năm 70, đầu những năm 80, các nhà xã hội học của một loạt nước xã hội chủ nghĩa<sup>(2)</sup> ôn bắt đầu quan tâm đến các vấn đề xây dựng hệ thống chỉ báo xã hội. Nhóm công tác của Hội đồng. vấn đề hợp tác nhiều bên của Viện Hàn lâm khoa học các nước xã hội chủ nghĩa “Các quá trình xã hội tolg xã hội xã hội chủ nghĩa” đã được lập ra theo hệ đề tài này. Đã bắt đầu tiến hành những nghiên cứu so sánh theo các chương trình thống nhất. Dự án quốc tế “Sự xích lại gần nhau giữa giai cấp công nhân và tầng lớp kỹ sư - kỹ thuật trong các nước xã hội chủ nghĩa” đã đặc biệt dự kiến việc xây dựng phương pháp luận và hệ phương pháp xây dựng các chỉ báo xã hội<sup>(3)</sup>. Nghiên cứu của Viện Xã hội học Liên Xô đã trở thành một bộ phận công việc chung của

---

<sup>1</sup> Lãnh đạo nghiên cứu – Trưởng ban phương pháp luận và lịch sử, Viện nghiên cứu xã hội học – Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Tiến sĩ khoa học triết học, G. Osipov.

<sup>2</sup> Đặc biệt, các nhà khoa học của Hunggari, những người có quan hệ công tác mật thiết với Cục thống kê trung ương của nước Cộng hòa, đã đạt được nhiều kết quả đáng kể trong việc xây dựng cơ sở thống kê xã hội.

<sup>3</sup> Các vấn đề này đã được trình bày đầy đủ trong tập 3 *Phương pháp luận và hệ phương pháp xây dựng các chỉ số và*

các nhà xã hội học các nước anh em trong phạm vi dự án đã chỉ ra trên.

Về nguyên tắc, cơ quan thống kê xã hội quốc gia phải cung cấp thông tin đầy đủ nhất và đời sống xã hội của xã hội, các nghiên cứu xã hội học chỉ là một bộ phận không lớn của loại thông tin đó. Nhưng cho đến đầu những năm 80, ở nước ta không tin xã hội chỉ tồn tại ở dạng “gia vị” cho thống kê kinh tế. Thay vào phát triển thống kê xã hội, người ta đã thu hẹp nó. Vì thế, các nhà xã hội học buộc phải tự mình xây dựng hệ thống thông tin về đời sống xã hội (tĩnh) và sự phát triển xã hội (động), bởi lẽ các tư liệu tính toán thống kê hàng năm của Tổng cục thống kê Liên Xô, các công bố điều tra dân số toàn Liên bang và kê khai nghề nghiệp không đủ thỏa mãn họ.

Cuộc nghiên cứu “Các chỉ báo phát triển xã hội của xã hội xã – viết: cần có đóng góp của mình vào việc giải quyết nhiệm vụ trên.

Cuối cùng, cần thiết phải nói về điều chủ yếu là hoàn cảnh xã hội diễn ra dự án. Như chúng ta đã biết, trong thời kỳ giáp ranh những năm 70 - 80, các vấn đề không được giải quyết trong xã hội chúng ta tiếp tục được tích lại. Công việc của các nhà xã hội học nhằm tập hợp và khái quát các tư liệu thực nghiệm, nhằm phát hiện “các hiện tượng tiền khủng hoảng” đã được sự ủng hộ của các cán bộ thực tiễn, các nhà lãnh đạo Đảng những người ngl từ khi đó đã cảm thấy cần thiết phải thay đổi, đổi mới, họ đã cố gắng tìm hiểu những nguyên nhân cụ thể của tình trì trệ và chủ nghĩa bảo thủ. Mặt khác, hoàn toàn không phải tất cả mọi người đều đã quan tâm đến sự đánh giá khách quan tình huống trên cơ sở phân tích khoa học các số liệu thực nghiệm nhận được. Các nghị quyết của Đại hội 2 Đảng Cộng sản Liệt Xô, công bố của Đảng về ưu tiên các mục tiêu xã hội trong sự phát triển kinh tế, những nhiệm vụ xây dựng một chính sách xã hội mạnh mẽ đã làm tăng lên nhiều lần ý nghĩa lý luận và thực tiễn của cuộc nghiên cứu nói trên.

Trong hệ quan điểm của cuộc nghiên cứu đó có thể nêu lên những luận điểm chính sau đây (4). Chính sách xã hội xã hội chủ nghĩa có tác dụng chủ yếu là có tính chất gián tiếp đến cơ cấu xã hội của xã hội thông qua, thứ nhất là phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật của xã hội, thứ hai là phát triển toàn bộ hệ thống các mối quan hệ sản xuất chính trị và tư tưởng đang qui định điều kiện sống của các giai cấp và các nhóm xã hội. Sự tác động của chính sách xã hội được các nhóm xã hội cảm nhận với tư cách là chủ thể của các mối quan hệ xã hội. Nhưng phản hồi của chủ thể này đối với tác động của chính sách phụ thuộc vào hiệu quả của chính sách xã hội, vào việc chính sách xã hội sẽ làm thay đổi về mặt tương quan chất lượng cơ bản đến mức nào hoàn cảnh xã hội của chủ thể, không gian sống cho hoạt động của họ và hệ thống các động cơ nhóm, các lợi ích, các nhu cầu.

Kinh tế, đó là điều kiện vật chất cần thiết cho hoạt động sống của xã hội. Nhưng không phải kinh tế, mà con người, với các nhu cầu, lợi ích và định hướng giá trị của nó đang tham gia phát triển xã hội như là mục đích tự thân. Sự phát triển kinh tế tự mình sẽ không bảo đảm một cách tự động việc giải quyết phạm vi rộng lớn các vấn đề xã hội có liên quan lại hoạt động của con người. Cơ chế xã hội (mà một bộ phận của nó là cơ chế kinh tế cực kỳ phức tạp. Tính độc lập tương đối của các khâu trong cơ chế xã hội chế định khả năng một sự phối hợp các thành phần của nó, gây nên tình trạng lạc hậu (hay vượt lên trước) về sự phát triển của mỗi một khâu trong tương quan với các khâu khác. Chính điều đó đã dẫn đến chỗ là trong những năm 70 tiến bộ khoa học kỹ thuật trở nên chậm chạp. tình trạng dừng đọng lạ đời của các hệ thống quản lý đối với các vấn đề xã hội. Kết quả của điều đó là các quá trình tiêu cực tự phát, những bào mòn xã hội khác nhau, sự suy sút tinh tích cực chính trị và lao động của các nhóm xã hội, làm chậm lại các quá trình xích dần nhau của các giai cấp. Trong khi tái sản xuất ra bản thân mình, xã hội vẫn hoạt động nhưng đã dần dần làm mất đi sự phát triển năng động liên quan với sự biến đổi về chất lượng của tất cả các lĩnh vực qua xã hội, với sự biến đổi giá trị số lượng - chất lượng của các chỉ báo xã hội.

---

*chỉ báo xã hội* của công trình quốc tế 5 tập tổng kết kết quả nghiên cứu (Praha, 1985, tiếng Nga).

<sup>4</sup> Quan điểm này đã được trình bày từng phần trong lần xuất bản thứ 2 cuốn “Sách công tác của nhà xã hội học”, M. 1983, tr. 122 - 128

Cần hiểu chỉ báo trong nghiên cứu như sự biểu hiện thực nghiệm về mặt số lượng - chất lượng (định tính - định lượng) của các phạm trù và khái niệm lý thuyết. Chỉ báo kinh tế đó là sự biểu hiện cụ thể của các phạm trù kinh tế chính trị mác xít của lý thuyết tái sản xuất mở rộng. Chỉ báo xã hội là sự biểu hiện cụ thể của xã hội học mác xít, của lý thuyết phát triển xã hội. Với cách tiếp cận như thế, các chỉ báo kinh tế và xã hội không loại trừ và thay thế nhau mà bổ sung lẫn nhau. Sự đánh giá thực tế tính chất và nội dung các biến đổi xã hội đòi hỏi phải sử dụng, một mặt là các chỉ báo số lượng (các chỉ số xã hội), và mặt khác là các chỉ báo chất lượng sự phát triển xã hội (hay thực sự là các chỉ báo xã hội). Khác với các chỉ số xã hội, các chỉ báo xã hội xác định cho ta đặc trưng có phân biệt các quá trình xã hội và những sự biến đổi, đồng thời với sự luận giải khoa học cho phép phán đoán về những điều kiện sống cụ thể của các nhóm xã hội và tác tầng lớp khác nhau, cũng như ảnh hưởng các khối này bao trùm một cách thực tế toàn bộ các lĩnh vực xã hội như một không gian sống của con người : điều kiện lao động và sinh hoạt, sức khỏe và nghỉ ngơi ; mối quan hệ cá nhân và xã hội ; các mối quan hệ giai cấp và dân tộc. Những di chuyển xã hội vạch ra khía cạnh động trong sự biến đổi cơ cấu xã hội (giữa các thể hệ và bên trong thể hệ).

Cho đến nay, thống kê vẫn chưa biết nhiều thứ, và ngay cả nếu đã biết thì cũng không thể vạch ra các mối liên hệ, cơ chế nhân quả của chúng. Đặc biệt, như đã nhận xét, thống kê xã hội là rất nghèo nàn. Nó không cho phép trả lời (trong phạm vi các công bố chính thức) vấn đề tương quan giữa các giai cấp và các nhóm nghề nghiệp cũng như giữa các nhóm khác nhau về trình độ cơ khí hóa và trình độ lao động lành nghề như thế nào, tương quan giữa các nhóm chính trị và văn hóa ra sao, những nhất cắt giới tính lứa tuổi và dân tộc của các nhóm có tính tích cực chính trị và lao động khác nhau là như thế nào, diễn biến của dư luận xã hội của các nhóm xã hội về những vấn đề quan trọng nhất trong hoạt động sản xuất và ngoài sản xuất...

Theo chúng tôi, tầm quan trọng của công trình nghiên cứu của Viện Xã hội học – Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô và các trung tâm khoa học khác của đất nước chính là ở chỗ, qua đó đã nhận được một bức tranh có phân biệt tình hình thực tế đời sống xã hội của xã hội : không phải về dân cư nói chung, mà là về hoàn cảnh xã hội ; hành vi, động cơ của các nhóm giai cấp, nghề nghiệp, nhân khẩu, dân tộc, chính trị, giáo dục và các nhóm khác.

Tiếp nữa, cần lưu ý đến tính chất phức hợp của các số liệu thu được tính đa diện của chúng. Có thể nói, mỗi một nhóm xã hội có thể (với tầng lớp giai cấp bên trong nó) là một khối tổng hợp (với tất cả những đặc điểm đặc thù của điều kiện lao động và sinh hoạt, hành vi sản xuất và ngoài sản xuất, định hướng, đánh giá các mặt khác nhau nhất của đời sống xã hội và của các điều kiện đó đến nội dung, tính chất và động cơ hoạt động xã hội của họ.

Chỉ báo xã hội không chỉ qui về một cơ sở vật chất kỹ thuật của các quá trình xã hội (số lượng chỗ làm việc, trường học, bệnh viện...). Bản thân nội dung vật chất của các quá trình là quan trọng . Nhưng nếu chỉ giới hạn lại ở nội dung đó thì sẽ rất khó hiểu, chẳng hạn các nguyên nhân làm chậm lại mức tăng năng suất lao động trong là năm gần đây, nguyên nhân phổ biến thái độ thờ ơ, lãnh đạm đối với lao động, khó giải thích tình trạng hiệu quả thấp của giáo dục trung học và đại học, tình trạng hoàn toàn không thể hài lòng việc tổ chức bảo vệ sức khỏe và tổ chức tất cả các lĩnh vực dịch vụ.

Về thực chất, việc xây dựng các chỉ báo xã hội được qui về việc giải quyết vấn đề làm thế nào vạch ra được sự biến đổi hình thức xã hội của các quá trình đã chỉ ra ở liên bằng cách dựa vào những công cụ thực nghiệm. Theo các tác giả dự án, cần xuất phát từ quan niệm về tính đa chiều của các quá trình xã hội, các quá trình đó chịu tác động của các véc-tơ: a) các điều kiện xã hội (hoàn cảnh xã hội của các nhóm) ; b) hoạt động của con người (hành vi thực tế của các nhóm) ; c) động cơ hoạt động (cơ cấu lợi ích, nhu cầu, định hướng và đánh giá của các nhóm). Véc-tơ thứ tư - đó là thời gian (sự biến đổi của mỗi một véc-tơ a, b, c và hợp lực của chúng diễn ra trong một thời kỳ nhất định. Như vậy ta có được loại “không gian - thời gian” xã hội 4 chiều đặc biệt. Các véc-tơ được đo lường trong các chỉ báo số lượng - chất lượng, trong việc tổng hợp các chỉ báo này nhờ các chỉ số (chẳng hạn, chỉ số chung về lao động đã tổng hợp điều kiện lao động, bản thân hoạt động lao động, động cơ lao động).

Các chỉ báo được nêu lên trong dự án đã được phân nhóm theo các khối lớn (các hướng) sau đây : nội dung và tính chất lao động, điều kiện lao động, điều kiện vật chất của cuộc sống giáo dục và đào tạo chuyên môn, văn hóa, tính tích cực chính trị xã hội, những di chuyển xã hội. Tổng hợp lại, hoạt động và là tích hợp (trình độ phát triển xã hội trong sự so sánh với các nhóm và tầng lớp khác). Nhờ sự phân loại và tổng hợp các tài liệu nghiên cứu, bản thân có chế độ đầy mãn thuẫn và phức tạp của sự phát triển xã hội, sự hoạt động của qui luật xã hội trở nên dễ hiu hơn. Thống kê quốc gia vạch ra sự biến động của cơ cấu giai cấp, nhân khẩu hay cơ cấu nghề nghiệp của đất nước trong một loạt năm. Song, vì sao lại diễn ra sự đẩy nhanh hay chậm lại (chẳng hạn như vào những năm 70) của các quá trình xã hội lớn, cơ chế nào gây nên sự đẩy nhanh hay chậm lại đó thì là những câu hỏi mà về thực chất vẫn chưa có sự trả lời.

Chúng ta biết rằng, cơ chế phát triển xã hội là sự tương tác lẫn nhau của các quá trình được kế hoạch hóa và không được kế hoạch hóa (tự phát). Bất kỳ một sự kế hoạch hóa xã hội thiếu hiệu quả nào (chẳng hạn thiếu quan tâm đến lĩnh vực xã hội, đến hoàn cảnh thực tế và lợi ích của các nhóm xã hội riêng biệt ) cũng sẽ làm tăng các quá trình tự phát - tiêu cực và kìm hãm chung tiến bộ xã hội. Cuộc nghiên cứu toàn Liên bang đã vạch ra trong mỗi một lĩnh vực lớn của xã hội của cơ chế kìm hãm đặc thù.

Trung tâm chú ý của những người tham gia nghiên cứu là lĩnh vực lao động. Đã chỉ ra rằng, “quả cân” độc đáo ở đây là cơ cấu chỗ làm việc tri tri, không thay đổi trong một thời gian dài và ở đó tương quan tỷ lệ các vị trí đòi hỏi trình độ chuyên môn thấp, trung bình và cao là 40 : 50 : 10. Cơ cấu đó đang tái tạo lại trong một phạm vi rộng lao động thủ công không được đào tạo chuyên môn và là lực lẫn đối với cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật. Một cơ chế biến tướng khác đó là sử dụng công nhân không tính đến trình độ chuyên môn của họ. Trong nền công nghiệp, tương quan tỷ lệ những người có trình độ chuyên môn thấp, trung bình và cao là 21 : 52 : 27. Có thể tính toán không mấy khó khăn là trong nước sự công nhân có trình độ chuyên môn thấp ít hơn 2 lần so với số chỗ làm việc tương ứng và số công nhân có trình độ chuyên môn cao nhau hơn gần 3 lần so với số chỗ làm việc tương ứng. Vì thế, sẽ là hợp lý dự là phù hợp với sự đào tạo hiện có) nếu chỉ sử dụng 40 – 50% công nhân. Bởi vậy, ở đây không nói về “sự thiếu hụt” hay “dư thừa” cán bộ, công nhân, mà về tính cổ hủ của việc tổ chức sản xuất của cơ cấu chỗ làm việc và trang thiết bị, những chỗ làm việc đang đòi hỏi một cuộc cải tổ căn bản nhất.

Hệ quả xã hội tiêu cực do việc sử dụng không hợp lý công nhân làm nảy sinh hành vi sản xuất thụ động, tiêu cực, khi những người công nhân (mà họ là hàng triệu) làm việc với mức cố gắng tối thiểu, thấp hơn từ 1,5 - 2 lần so với khả năng và hiểu biết của họ. Còn một biến dạng nữa (có nhiều điều kiện đang điều chỉnh) đó là “sự bình quân” giữa lao động giản đơn và lao động phức tạp. Nếu coi tiền lương của công nhân không có trình độ chuyên môn là 100% thì tiền lương của công nhân có trình độ chuyên môn chỉ là 112% của viên chức là 105% của chuyên gia là 116%. Sự khác biệt về tiền lương giữa lao động chân tay giản đơn và phức tạp, giữa lao động tri óc giản đơn và phức tạp là không đáng kể. Xét về hao phí sức óc, lao động của công nhân có trình độ chuyên môn cao là gấp đôi, còn của chuyên gia thì gấp ba và phức tạp hơn, trách nhiệm cao hơn so với lao động của công nhân có trình độ chuyên môn thấp. Nhưng việc san bằng đã dẫn đến chỗ tiền thù lao lao động trong thực tế không phản ánh những khác biệt trong nội dung và tính chất lao động. Như thế, nó trở nên không phải là yếu tố kích thích mà lại là kìm hãm sự phát triển nghề nghiệp và xã hội của cán bộ công nhân viên.

Kết luận trên được khẳng định bởi những biến dạng có liên quan đến sự suy giảm tính tích cực chính trị xã hội. Thực chất của nó là : 70 - 80 công nhân và chuyên gia hướng vào việc tham gia quản lý sản xuất (biết về điều đó, coi sự tham gia như thế là cần thiết) nhưng số tham gia lấy lệ là dưới 50% (tham gia trên giấy tờ), còn tham gia thực sự thì không quá 18% công nhân và 22% chuyên gia. Những “mất mát xã hội” như thế của bản thân nhân tố con người có liên quan rất chặt chẽ với tất cả các biến dạng được liệt kê ra khác.

Cải tổ đặt ra nhiệm vụ tích cực hóa nhân tố con người. Chỉ có thể làm điều đó với điều kiện nếu khác phục, loại bỏ được các cơ chế kìm hãm đã chỉ ra ở trên. Các cuộc nghiên cứu do các tác giả tiến hành đã chỉ ra rằng chỉ nhờ việc sử dụng cán bộ công nhân viên phù hợp với đào tạo của họ mà không cần phải hiện đại hóa cơ sở kỹ thuật của nền sản xuất cũng có từ nâng năng suất lao động xã hội lên 2 - 2,5 lần.

Trong số các lĩnh vực khác của cuộc sống mà cuộc nghiên cứu có đề cập đến, chúng tôi nêu ra lĩnh vực sinh hoạt - xã hội, lĩnh vực đòi hỏi sự chú ý đặc biệt của các nhà khoa học và thực tiễn. Mặc dù có sức tăng nhất định số các xí nghiệp ăn uống công cộng và dịch vụ sinh hoạt, số người sử dụng các phục vụ đó vẫn không tham đổi số người không thỏa mãn với lĩnh vực hoạt động sinh hoạt - xã hội tăng lên. Chẳng hạn, theo số liệu nghiên cứu ở Azerbaïdan, số người không sử dụng phục vụ của những xí nghiệp ăn uống công cộng là chiếm 40% số dân cư đang làm việc của nước cộng hòa, không sử dụng các hiệu giặt là - 70%, các điếm cho thuê - 70% các hiệu sửa chữa quần áo - 38% ...

Những nguyên nhân cơ bản làm mất uy tín của lĩnh vực sinh hoạt - xã hội là giá công phục vụ cao (65,2% người được phỏng vấn), chất lượng phục vụ thấp (51,3%) thời hạn hoàn thành đơn đặt hàng lâu (41,7%)... Thật là ngược đời, song đó là sự thực : các chỉ tiêu tổng hợp hoạt động của lĩnh vực này đạt được chính do chất lượng kém, chẳng hạn, trong lĩnh vực dịch vụ sinh hoạt, việc sửa chữa không phải một lần trong nội thời gian không dài của chính một thứ vật phẩm có thể vẫn đến chỗ làm tăng các chỉ tiêu công việc. Trong giao thông vận tải, hành khách đã tăng lượng chu chuyển hành khách, và vì thế, tổng doanh thu được giao có thể đạt được bằng cách chia nhỏ lộ trình, điều đó buộc hành khách muốn đi đến các nơi cần thiết phải dùng mấy loại phương tiện và tương ứng là máy lần trả tiền tàu xe.

Cuộc nghiên cứu đã khẳng định tính đúng đắn của các phương pháp tiếp cận theo quan điểm đã lấy làm cơ sở cho chương trình của nó, độ tin cậy về hệ phương pháp, tính đúng đắn của việc áp dụng các phương pháp toán học. Có thể việc phân tích một loạt các vấn đề cấp thiết về lý luận, phương pháp luận và hệ phương pháp xây dựng các chỉ số và chỉ báo sự phát triển xã hội vào số các kết quả khoa học của dự án. Những vấn đề này đã trình bày trong một loạt chuyên khảo do Viện nghiên cứu xã hội học biên soạn<sup>(5)</sup>. cũng như trong tập 3 của chuyên khảo quốc tế đã nhắc đến trên khu.

~~Về việc sử dụng~~ các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn quản lý xã hội, thì trước hết cần nêu ra các bản phân tích và tổng hợp thông tin cho các cơ quan trung ương và các cơ quan Đảng về những xu hướng phát triển xã hội, về các biến dạng trong quan hệ sản xuất và phân phối, về các vấn đề xã hội trong việc ứng dụng kỹ thuật mới, vấn đề xã hội của lao động kỹ sư, về tính tích cực chính trị - xã hội của thanh niên, về các hình thức tổ chức tổ đội lao động, về các hiện tượng tiêu cực trong lĩnh vực xã hội.

Các báo cáo thống kê khoa học vùng dưới tên gọi chung “Các chỉ số và chỉ báo phát triển xã hội của giai cấp công nhân và trí thức, kỹ sư - kỹ thuật, đã được gửi đến các tổ chức Đảng các nước cộng hòa, các tỉnh, nơi đã tiến hành nghiên cứu. Cũng đã đệ trình các bản tổng hợp thông tin và báo cáo mà một số ý kiến trong đó được các là chức thông qua.

Các kết quả công tác của tập thể, các nhà xã hội học đã được xem xét tại hội nghị thường vụ Ban triết học và pháp luật Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô vào tháng 4- 1987. Tác giả G.Osipov đã tham gia với báo cáo “Lý luận và thực tiễn xây dựng các chỉ số và chỉ báo sự phát triển xã hội của xã hội Xô - viết”. Các đại diện của Tổng cục thống kê Liên xô đã tham gia thảo luận báo cáo với các nhà khoa học.

Những người tham gia hội nghị đã chỉ ra rằng cuộc cải tổ đang triển khai rộng khắp ở Liên Xô cần phải dựa trên cơ sở hiểu biết chính xác hơn tình hình thực tế và các khuynh hướng phát triển xã hội. Các biện pháp nhằm hoàn thiện một cách cơ bản thống kê xã hội là cần thiết. Thống kê cần phải được phân nhánh, có nội dung, thoát ra khỏi sự tán tụng ngợi khen, cách giải quyết theo quan điểm cục bộ, nó cần phải sử dụng một cách tổng hợp các đánh giá khách quan cũng như chủ quan, đánh giá về lượng cũng như về chất. Thống kê đó sẽ là cơ sở để xây dựng các dự báo xã hội được luận giải một cách khoa học.

Hiện nay, Viện nghiên cứu xã hội học đang nghiên cứu các chỉ báo xã hội phục vụ cho việc lập kế hoạch

---

<sup>5</sup> “Nghiên cứu xây dựng các chỉ báo sự phát triển xã hội và kế hoạch hóa”. M, 1979, G. V. Osipov, “Lý luận và thực tiễn nghiên cứu xã hội ở Liên Xô”, M. 1971: “Các chỉ báo sự phát triển xã hội và kế hoạch hóa”, M. 1980: “Chuẩn hóa các chỉ báo trong nghiên cứu xã hội học”.

năm năm lần thứ 12 trong khuôn khổ dự án mới; đó là “Lĩnh vực xã hội : các khuynh hướng và chỉ báo sự phát triển”. Nhiệm vụ cơ bản của dự án là chuẩn bị một hệ thống có cơ sở khoa học các chỉ số và chỉ báo sự phát triển xã hội và việc vận dụng chúng vào hệ thống chung kế hoạch hóa kinh tế và xã hội của đất nước. Các nghiên cứu đã cho phép vạch ra động thái sự phát triển xã hội, hiệu quả cải tổ trong các lĩnh vực khác nhau, tốc độ đẩy nhanh tiến bộ xã hội.

**VÂN ANH dịch**

*Nguồn* : Obshchestvennye Nauki, Nauka,

Moskva; số 5 - 1987. tr 178 - 185.